

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/KDTM-ST

Ngày: 21-11-2018

V/v: “T/c hợp đồng mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung
2. Ông Nguyễn Thế Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử công khai vụ án thụ lý số 37/2018/TLST-KDTM ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐST-KDTM ngày 17/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-KDTM ngày 06/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần A

Địa chỉ: Số 2, đường 1, khu công nghiệp B, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Đào Duy H– Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường G – Chức vụ: Trợ lý tổng giám đốc (Có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q

Địa chỉ: Tổ 5, ấp M, phường X, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến T – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:

Ngày 08/4/2017 giữa Công ty cổ phần A (gọi tắt là Công ty A) và Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q (gọi tắt là công ty Q) có giao kết hợp đồng kinh tế số 01./HĐKT – QH – LICOGI 9 với nội dung Công ty A

cung cấp các loại bê tông thương phẩm cho Công ty Q. Số lượng bê tông Công ty A cung cấp cho Công ty Q được xác định cụ thể trong các biên bản nghiệm thu khối lượng và các hóa đơn giá trị gia tăng.

Giá thành của bê tông thương phẩm được quy định cụ thể trong các phụ lục hợp đồng được ký kết giữa các bên.

Thời hạn thanh toán là 100% tiền mặt trước khi đổ bê tông, phương thức thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty A đã cung cấp cho Công ty Q tổng khối lượng bê tông là 1342,20m³ với tổng số tiền là 1.348.579.694 đồng. Đến ngày 05/9/2017 Công ty Q đã thanh toán cho Công ty A số tiền 733.152.500 đồng, còn nợ lại số tiền 615.427.194 đồng. Ngày 01/11/2017 giữa hai Công ty đã ký biên bản đối chiếu công nợ với nhau xác định số tiền Công ty Q còn nợ là 615.427.194 đồng. Trong các ngày 10/11/2017 và 17/01/2018 Công ty Q tiếp tục thanh toán cho Công ty A số tiền 100.000.000 đồng.

Như vậy tính đến nay Công ty Q còn nợ Công ty A số tiền 515.427.194 đồng.

Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty Q thanh toán tiền nợ là 515.427.194 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo về việc công khai chứng cứ và các quyết định khác cho bị đơn Công ty Q theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty Q không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 85 Luật thương mại, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Ngày 30/7/2018 Công ty cổ phần A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q phải thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng kinh tế về mua bán hàng hóa đã ký giữa hai bên. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q có trụ sở chính tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên theo quy định tại Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q dù được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia vụ kiện nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Việc vắng mặt này của bị đơn được xem là mặc nhiên từ bỏ các quyền của người bị kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q phải chịu trách nhiệm về hành vi tố tụng của mình là đúng với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các giấy tờ tài liệu do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 08/4/2017 Công ty cổ phần A và Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q có ký kết hợp đồng kinh tế số 01./HĐKT – QH – LICOGI 9 với nội dung Công ty A cung cấp các loại bê tông thương phẩm cho Công ty Q.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 30/9/2017 Công ty A đã cung cấp cho Công ty Q khối lượng bê tông thương phẩm là 1342,20m³ với tổng giá trị là 1.348.579.694 đồng.

Đến ngày 17/01/2018 Công ty Q đã thanh toán được cho Công ty A số tiền 833.152.500 đồng còn nợ lại số tiền 515.427.194 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/11/2017 Công ty Q xác định còn nợ Công ty A số tiền 615.427.194 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn xác định sau khi đối chiếu công nợ phía bị đơn đã tiếp tục thanh toán số tiền 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản giao dịch của nguyên đơn, đối chiếu phù hợp với bản sao kê tài khoản ngân hàng do Công ty A cung cấp.

Do đó đến nay Công ty A xác định Công ty Q còn nợ số tiền 515.427.194 đồng và yêu cầu Công ty Q thanh toán toàn bộ số tiền trên là có căn cứ.

Quá trình tố tụng Công ty Q không tham gia phiên tòa, không cung cấp chứng cứ để chứng minh về việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty A và quá trình thanh toán nợ.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định Công ty Q còn nợ Công ty A số tiền 515.427.194 đồng. Nên cần buộc Công ty TNHH xây dựng

công nghiệp Q phải thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền còn nợ là 515.427.194 đồng.

[3]Về tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.600.000 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần A là 12.308.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, 35, 39, khoản 4 Điều 91, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 50 Luật thương mại; Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q.

Buộc Công ty Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền nợ là: 515.427.194đ (Năm trăm mười lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn một trăm chín mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH xây dựng công nghiệp Q phải nộp số tiền 24.600.000đ (Hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.308.000đ (Mười hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003870 ngày 23/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR – VT;
- VKS nhân dân thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THA DS thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Nguyễn Hồng Thái